TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 11-6-2024.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Minh Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Minh Lý;
2. Ông Nguyễn Văn An.

***- Thư ký phiên tòa*:** ông Phạm Văn Hảnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Trần Tấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 302/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024; giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn*: chị Nguyễn Thị Hoàng D, sinh năm: 1996. Địa chỉ: khu Phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh - Có mặt.

- *Bị đơn*: anh Trần Đại D1, sinh năm: 1988. Địa chỉ: ấp B, xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây Ninh - (Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoàng D trình bày:

Chị và anh D1 tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn ngày 07/4/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Trong quá trình sống với nhau, thời gian đầu chị D sống rất hạnh phúc. Nhưng được một thời gian, anh D1 thay đổi tính tình, không còn thương chị D cũng như bê tha việc trách nhiệm với gia đình, suốt ngày nhậu nhẹt, bạn bè. Tệ bạc

hơn khi nhậu về còn ra tay đánh đập, hành hạ chị D suốt nhiều năm qua. Nhiều lúc chị D muốn chạy về ba mẹ chị D để ở nhưng anh hăm dọa là sẽ giết gia đình chị D nếu chị D về bên đó nên chị D không dám về. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh D1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Thị Ngọc T, sinh ngày 24/9/2012, cháu Trần Quốc Đ, sinh ngày 14/01/2015. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng để anh D1 tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, cháu Đ, chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án lấy lời khai, bị đơn - anh Trần Đại D1 trình bày:

Anh và chị D tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây Ninh vào năm 2015. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì hai vợ chồng cũng có lời qua tiếng lại cho đến năm 2021 thì vợ chồng bất đồng quan điểm nên chị D bỏ về nhà mẹ ruột sống cho đến nay. Anh D1 còn thương vợ và vợ tự ý bỏ đi nên anh yêu cầu được đoàn tụ với chị D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Thị Ngọc T, sinh ngày 24/9/2012, cháu Trần Quốc Đ, sinh ngày 14/01/2015. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, cháu Đ. Anh D1 không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Hoàng D yêu cầu được ly hôn anh Trần Đại D1.

Về con chung: Giao cháu Trần Thị Ngọc T, sinh ngày 24/9/2012, cháu Trần Quốc Đ, sinh ngày 14/01/2015 cho anh Trần Đại D1 tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận anh D1 không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Chị D phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: bị đơn anh Trần Đại D1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh D1 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn ngày 07/4/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây Ninh được xem là hôn nhân hợp pháp. Chị D và anh D1 đã ly thân từ năm 2022 đến nay, do trong cuộc sống quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, không tìm được tiếng nói chung. Tòa án đã làm việc đối với anh D1 thể hiện nguyện vọng của anh D1 không đồng ý ly hôn với chị D. Tuy nhiên, qua xác minh tại địa phương, chị D đã bỏ nhà đi từ lâu. Hiện anh D1 và chị D không còn ở chung nhà. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị D và anh D1 trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị D được ly hôn anh D1 theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: chị D và anh D1 có 02 con chung là cháu Trần Thị Ngọc T, sinh ngày 24/9/2012, cháu Trần Quốc Đ, sinh ngày 14/01/2015. Khi ly hôn, nguyện vọng của anh D1 tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, cháu Đ. Chị D cũng đồng ý với việc anh D1 tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, cháu Đ. Hội đồng xét xử xét thấy, cần giao cháu cháu Trần Thị Ngọc T, sinh ngày 24/9/2012, cháu Trần Quốc Đ, sinh ngày 14/01/2015 cho anh Trần Đại D1 tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hoàng D đối với anh Trần Đại D1. Chị Nguyễn Thị Hoàng D được ly hôn anh Trần Đại D1.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Ngọc T, sinh ngày 24/9/2012, cháu Trần Quốc Đ, sinh ngày 14/01/2015 cho anh Trần Đại D1 tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận anh D1 không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: chị D, anh D1 không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: chị Nguyễn Thị Hoàng D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0027615 ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; Chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND xã Đ;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Minh Tú